

# Thực trạng và giải pháp về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 khu vực miền núi phía Bắc

Mai Văn Trinh<sup>1</sup>, Nguyễn Minh Tuấn<sup>\*2</sup>,  
Bùi Văn Trung<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Email: mvtrinh@moet.gov.vn

\* Tác giả liên hệ

<sup>2</sup> Email: tuannm@vnies.edu.vn  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

<sup>3</sup> Email: bvtrung@moet.gov.vn  
Bộ Giáo dục và Đào tạo  
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các tỉnh miền núi phía Bắc trong những năm qua đã đạt được kết quả nhất định. Để có được kết quả đó, các tỉnh đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, các tỉnh ở khu vực này vẫn còn nhiều khó khăn trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bài viết đánh giá thực trạng điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở 14 tỉnh thuộc khu vực, từ đó đưa ra một số giải pháp để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đảm bảo yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**TỪ KHÓA:** Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, miền núi phía Bắc, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, giải pháp.

→ Nhận bài 07/8/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 13/9/2023 → Duyệt đăng 15/10/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311011>

## 1. Đặt vấn đề

Năm 2018, bằng việc ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018, Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 chính thức được công bố rộng rãi, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của giáo dục phổ thông. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực hiện đại [1]. Để tổ chức thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng hiệu quả thì cần phải nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho mỗi cơ sở giáo dục.

Miền núi phía Bắc có 14 tỉnh là: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình. Với điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn cũng như điều kiện địa lý, địa hình không thuận lợi, việc đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với khu vực miền núi phía Bắc hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thách thức.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Về cơ sở vật chất

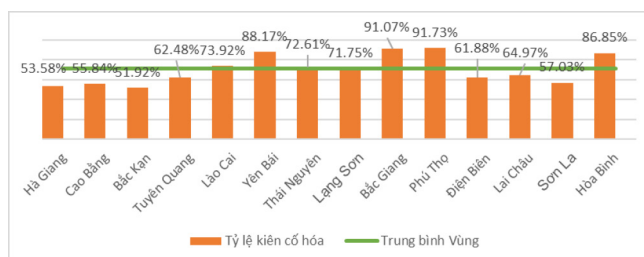
Các địa phương đã tích cực triển khai Chương trình, Đề án của Chính phủ với mục tiêu bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông theo lộ trình đổi mới Chương

trình, Sách giáo khoa. Cùng với đó, các dự án ODA, các chương trình, đề án có nguồn vốn ngân sách trung ương là cơ sở để các địa phương huy động các nguồn lực bảo đảm cơ sở vật chất trường, lớp học.

#### 2.1.1. Về phòng học

Vùng miền núi Bắc Bộ có 115.668 phòng học các bậc mầm non, phổ thông công lập; trong đó, số phòng học kiên cố 89.973 phòng, đạt tỉ lệ kiên cố hóa là 77,8%. Tỉ lệ này thấp hơn 7,6% so với bình quân chung của cả nước [2].

Số liệu thống kê ở Biểu đồ 1 cho thấy, tỉ lệ kiên cố hóa lớp học cấp Tiểu học thấp nhất thuộc các tỉnh Bắc Kạn (51,92%), Hà Giang (53,58%), Cao Bằng (55,84%). Các tỉnh có tỉ lệ cao nhất trong khu vực miền núi phía



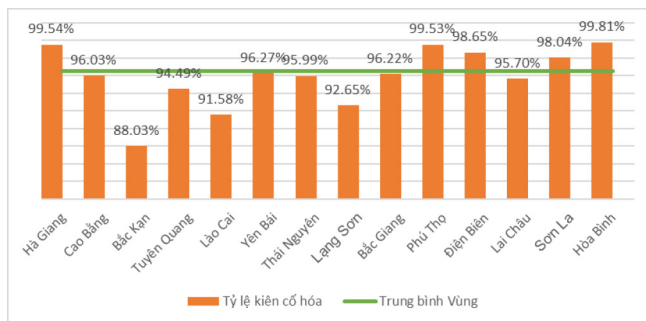
(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021)

Biểu đồ 1: Tỉ lệ kiên cố hóa phòng học cấp Tiểu học vùng miền núi phía Bắc

Bắc đó là: Phú Thọ (91,73%), Bắc Giang (91,07%), tiếp theo là Yên Bái (88,17%) và Hòa Bình (86,85%). Bên cạnh đó, vẫn có hiện tượng thiếu phòng học cục bộ tại các khu vực có mật độ dân cư cao, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tập trung chủ yếu tại cấp Tiểu học. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng thiếu phòng học cục bộ ở những nơi có mật độ dân cư cao là những trường có chất lượng giáo dục tốt nhu cầu phụ huynh cho con em vào học cao hoặc do những năm có tỉ lệ sinh cao, số học sinh đi học cao hơn những năm học khác.

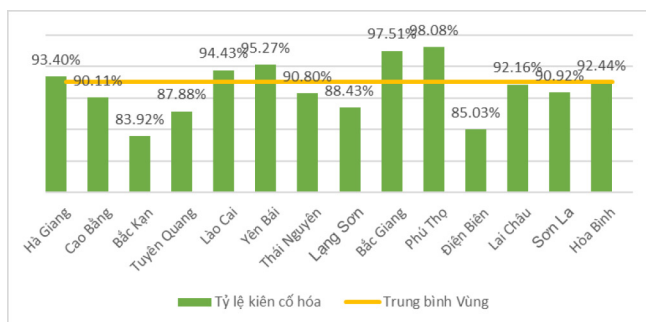
Đối với cấp Trung học cơ sở (xem Biểu đồ 2), có tỉ lệ kiên cố hóa phòng học đạt trên 92,44%. Một số tỉnh có tỉ lệ kiên cố hóa phòng học cao như Phú Thọ (98,08%), Bắc Giang (97,51%). Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tỉnh tỉ lệ kiên cố hóa thấp hơn rất nhiều như Bắc Kạn (83,92%), Điện Biên (85,03%). Ở một số nơi còn thiếu phòng học hoặc các phòng học học tạm chưa đảm bảo đầy đủ điều kiện tổ chức dạy học cho học sinh.

Đối với cấp Trung học phổ thông, về cơ bản các tỉnh miền núi phía Bắc đều có tỉ lệ phòng học kiên cố hóa cao (trên 95,0%), đảm bảo điều kiện tổ chức dạy và học (xem Biểu đồ 3). Còn một số tỉnh có tỉ lệ kiên cố hóa phòng học tập chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức dạy và học như Bắc Kạn (88,03%), Lào Cai (91,58%).



(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021)

Biểu đồ 3: Tỉ lệ kiên cố hóa phòng học cấp Trung học phổ thông vùng miền núi phía Bắc



(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021)

Biểu đồ 2: Tỉ lệ kiên cố hóa phòng học cấp Trung học cơ sở vùng miền núi phía Bắc

Nhìn chung, các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc hiện nay đã có tỉ lệ kiên cố hóa phòng học được nâng lên so với những năm gần đây. Tuy nhiên, một số tỉnh vẫn có tỉ lệ thấp, còn gặp nhiều khó khăn trong đầu tư nguồn lực để xây dựng phòng học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như: Bắc Kạn, Điện Biên, Sơn La, Hà Giang, Lai Châu...

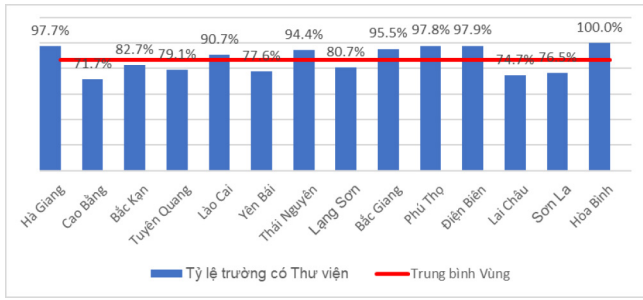
### 2.1.2. Về phòng học bộ môn

Về cơ bản, các trường đều đã có phòng học bộ môn, đạt tỉ lệ 1,4 phòng/trường. Đặc biệt, để triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các địa phương đã ưu tiên đầu tư bổ sung thêm phòng học bộ môn Tin học và Ngoại ngữ cho cấp Tiểu học. Theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đối với các trường tiểu học thực hiện theo quy định cần có các phòng học Âm nhạc - Mĩ thuật, Tin học, Ngoại ngữ, phòng đa năng; Đối với các trường trung học cơ sở bao gồm các phòng học Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học, Ngoại ngữ, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, đa năng; Đối với các trường trung học phổ thông, theo quy định ngoài các phòng bộ môn như trường trung học cơ sở còn có thêm các phòng bộ môn Vật lí, Hóa học, Sinh học [3]. Tuy nhiên, hiện nay ở nhiều trường vẫn còn thiếu. Nhiều trường phải dùng chung phòng học bộ môn, tận dụng thiết bị thí nghiệm dạy học được trang bị từ trước đây nên lạc hậu, cũ và có nhiều hỏng hóc, dẫn đến khó sử dụng, độ chính xác không cao và thiếu tính đồng bộ, chưa đáp ứng được quy định của Thông tư quy định về thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

### 2.1.3. Thư viện

Theo số liệu thống kê, khu vực miền núi Bắc Bộ có tổng số thư viện ở các cấp học là 4.933 thư viện. Cụ thể, ở cấp Tiểu học có 86,9% số trường có thư viện; cấp Trung học cơ sở có 70,7% số trường có thư viện; cấp Trung học phổ thông có 88,8% số trường có thư viện. Như vậy, đa số các trường phổ thông đều có thư viện. Tuy nhiên, quy mô, chất lượng không đồng đều. Nhiều thư viện mới chỉ là nơi lưu trữ các học liệu mà chưa có phòng đọc cho học sinh (xem Biểu đồ 4).

Đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở có nhiều điểm trường thì thư viện cũng chỉ có ở điểm trường chính. Vì vậy, học sinh và giáo viên ở những điểm trường lẻ không có nhiều cơ hội đến thư viện để mượn sách, đọc sách. Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có nhiều bộ sách, trong một trường, học sinh có thể học nhiều bộ sách khác nhau theo từng môn học. Việc không có thư viện hoặc không có điều kiện để mượn sách và tham khảo những bộ sách khác nhau sẽ phần nào ảnh hưởng đến học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.



(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021)

Biểu đồ 4: Tỷ lệ trường tiểu học có thư viện ở vùng miền núi phía Bắc

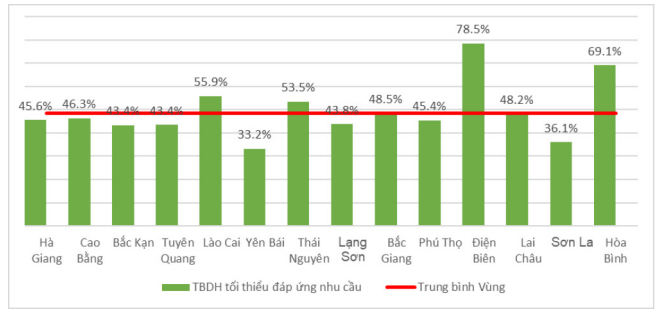
**2.1.4. Nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ**

Do điều kiện cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục còn nhiều khó khăn, thiếu các phòng học, phòng học bộ môn, phòng hành chính nên chưa có điều kiện quan tâm đầu tư đúng mức cho các công trình nước sạch, nhà vệ sinh trong trường học. Nhiều điểm trường lẻ không có nhà vệ sinh và công trình nước sạch. Bên cạnh đó, nhận thức của hầu hết các cơ sở giáo dục vẫn coi nhà vệ sinh trong trường học là “công trình phụ”, giống như nhà vệ sinh dân dụng dẫn đến công tác tham mưu, tổ chức, quản lý sử dụng chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú đã được quan tâm đầu tư xây dựng nhà ăn, bếp nấu, khu sân chơi, bãi tập và các công trình phụ trợ khác đáp ứng nhu cầu tối thiểu các hoạt động dạy - học, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh bán trú. Tuy nhiên, một số trường vẫn còn thiếu quỹ đất để xây dựng, bổ sung các hạng mục công trình phục vụ các hoạt động giáo dục ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dạy học nói chung và công tác tổ chức hoạt động bán trú nói riêng. Một số trường bán trú chưa có nhà ăn, bếp nấu đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm; một số trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú hư hỏng và không đồng bộ.

**2.2. Về thiết bị dạy học**

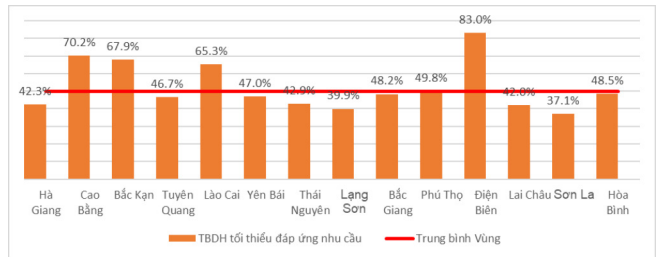
Đối với các trường tiểu học ở vùng miền núi phía Bắc (xem Biểu đồ 5), tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu chỉ ở mức 48,2%. Một số tỉnh có tỉ lệ đáp ứng nhu cầu dạy học rất thấp như: Yên Bái (33,2%), Sơn La (36,1%), Bắc Kạn và Tuyên Quang (43,4%). Một số tỉnh đã quan tâm đầu tư trang thiết bị dạy học cho cấp Tiểu học, đáp ứng được nhu cầu khá cao đó là: Điện Biên (78,5%), Hòa Bình (69,1%). Còn lại, đa số các tỉnh trong vùng chỉ đạt mức từ 43,4% đến 55,9%.

Tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở vùng miền núi phía Bắc đáp ứng nhu cầu tối thiểu ở các tỉnh đạt mức trung bình là 49,7% (xem Biểu đồ 6). Một số tỉnh có tỉ lệ thấp hơn như: Sơn La (37,1%), Lạng Sơn (39,9%), Lai Châu (40,2%), Hà Giang (42,3%). Một số tỉnh đã được quan tâm đầu tư mua sắm thiết bị dạy học



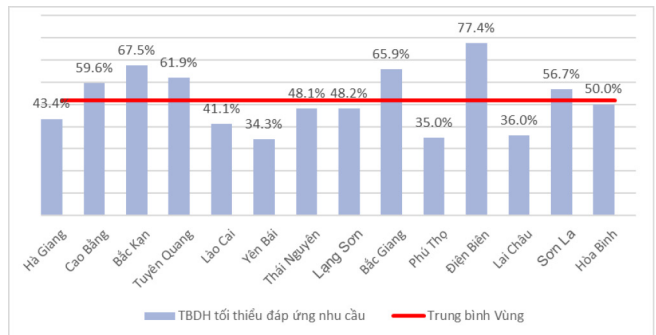
(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021)

Biểu đồ 5: Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học vùng miền núi phía Bắc đáp ứng nhu cầu



(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021)

Biểu đồ 6: Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở vùng miền núi phía Bắc đáp ứng nhu cầu



(Nguồn: Số liệu thống kê từ Vụ Cơ sở vật chất - Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu đồ 7: Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông vùng miền núi phía Bắc đáp ứng nhu cầu

nên có tỉ lệ tương đối cao như: Điện Biên (83,0%), Cao Bằng (70,2%), Bắc Kạn (67,9%).

Nhìn chung, tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu dạy học còn thấp. Trung bình vùng Trung du miền núi Bắc Bộ chỉ đáp ứng khoảng 49,7%. Ở cấp Tiểu học khoảng 48,4%, Trung học cơ sở khoảng 49,7%, Trung học phổ thông khoảng 51,6%. Việc thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu ở tỉ lệ thấp cho thấy các trường học ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc còn gặp nhiều khó khăn trong tổ chức dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, khi đổi mới Chương

trình theo định hướng dạy học hình thành phẩm chất và năng lực người học có những yêu cầu cao về thiết bị dạy học. Để khắc phục tình trạng thiếu thiết bị dạy học, cán bộ quản lý các cấp ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cũng đã tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào trong dạy học, đặc biệt là khai thác sử dụng các phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo, mô phỏng. Tuy nhiên, việc ứng dụng này vẫn chủ yếu là do giáo viên tự tìm kiếm, tự khai thác sử dụng nên các phần mềm, thí nghiệm hầu hết chưa được kiểm định về chất lượng, tính khoa học và đáp ứng được yêu cầu sư phạm khi tổ chức dạy học.

Từ năm học 2022 - 2023, Tin học và Ngoại ngữ là hai môn bắt buộc từ lớp 3 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, đối với phòng học bộ môn Tin học, số lượng máy tính mới chỉ ở mức cơ bản, đa phần là cấu hình thấp đã được trang bị từ lâu, không đồng bộ, hạn chế trong việc cài đặt các phần mềm mới để đáp ứng nhu cầu dạy học. Đối với phòng học bộ môn Ngoại ngữ, số lượng thiết bị chuyên dùng còn hạn chế, chủ yếu là những thiết bị cầm tay, đơn chiếc phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.

### **2.3. Đánh giá khái quát về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc**

#### **2.3.1. Kết quả đạt được**

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Một số địa phương đã có các chính sách đặc thù tạo chuyển biến tích cực về quy mô và chất lượng giáo dục, góp phần thu hẹp dần khoảng cách giữa các địa phương trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước.

Các chính sách phát triển nguồn nhân lực, công tác xóa mù chữ, thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ về giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm đẩy mạnh. Trong đó, đã tập trung quan tâm tới các đối tượng người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã đặc biệt khó khăn và các đối tượng thiệt thòi khác, góp phần quan trọng nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học từng bước được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa và chuẩn hóa, bảo đảm cơ bản cho việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm đầu tư, phát triển cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Cùng với Chương trình giáo dục, đội ngũ nhà giáo thì cơ sở vật chất, thiết bị dạy học là một trong ba trụ cột chính để nâng cao chất lượng giáo dục. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống mạng lưới trường lớp học được củng cố và phát triển rộng khắp,

đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân. Về cơ bản, không còn xã trắng về giáo dục, mọi thôn bản đều có lớp mầm non. Tất cả các xã đều có trường tiểu học; các điểm trường, lớp ghép được mở ở hầu hết các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đi học. Hầu hết các xã đã có trường trung học cơ sở, các huyện đều có trường trung học phổ thông [4]. Các địa phương vùng miền núi phía Bắc đã ban hành chương trình, kế hoạch với mục tiêu và lộ trình cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập [5]. Kết quả cho thấy, nhiều điểm trường lẻ đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm theo quy định, thực hiện dồn dịch, sáp nhập vào các điểm trường chính. Nhiều trường có quy mô nhỏ được sáp nhập thành hệ thống các trường liên cấp có quy mô lớn hơn, tạo thuận lợi cho đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng cho các hoạt động dạy và học trong nhà trường.

#### **2.3.2. Hạn chế, nguyên nhân**

Việc rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp ở một số nơi còn chưa thực sự khoa học, hiệu quả, chưa đảm bảo môi trường học tập cho học sinh. Vẫn còn nhiều trường có quy mô nhỏ (dưới 10 lớp), cấp Tiểu học còn nhiều điểm trường lẻ. Việc đưa học sinh về học tại các điểm trường chính ở một số nơi còn gặp khó khăn do vị trí địa lý.

Một số cơ sở giáo dục trên địa bàn còn thiếu phòng học, phòng học đã xuống cấp và quá tải, phải học 02 ca, học nhờ, học tạm; thiếu thư viện, nhà vệ sinh, công trình nước sạch. Các điều kiện sinh hoạt của học sinh bán trú, học sinh các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu tối thiểu. Công trình nước sạch, vệ sinh trường học ở nhiều nơi còn thiếu, chưa đạt chuẩn; nhân lực y tế trường học và trang thiết bị phục vụ việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh nhiều nơi còn thiếu trầm trọng.

Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu, nhiều thiết bị đã cũ, bị hỏng, xuống cấp không đáp ứng yêu cầu dạy và học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhất là ở các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nhiều trường tiểu học không đủ điều kiện về cơ sở vật chất tổ chức học bán trú nên cha mẹ học sinh gặp khó khăn khi đưa trẻ đến trường học 02 buổi/ngày, đặc biệt đối với những nơi trẻ em phải đi học xa.

Hạ tầng công nghệ thông tin khó khăn, có nhiều điểm chưa có sóng viễn thông và Internet. Kinh phí thực hiện chuyển đổi số hạn hẹp ảnh hưởng đến việc đổi mới công tác dạy học. Các phần mềm dạy học hiện nay nhiều tuy nhiên hầu hết chưa được đánh giá, kiểm duyệt về mặt chất lượng để đưa vào sử dụng thay thế thiết bị thực hành thí nghiệm chưa có.

Công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế do đời sống nhân dân ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Một số địa phương không có cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Các chương trình, dự án đầu tư trong thời gian vừa qua mới chỉ hỗ trợ một phần sự thiếu hụt (chủ yếu đầu tư xây dựng phòng học các cấp học) cho các trường thuộc các vùng khó khăn, điều kiện kinh tế kém phát triển.

Hầu hết các địa phương vùng dân tộc thiểu số, miền núi có tỉ lệ hộ nghèo cao, đa phần các huyện, xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huyện nghèo thuộc Nghị quyết 30A của Chính phủ, do đó không bố trí được nguồn lực của địa phương để chăm lo, phát triển giáo dục và đào tạo. Công tác xã hội hóa giáo dục gặp nhiều khó khăn.

#### **2.4. Một số giải pháp tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các tỉnh miền núi phía Bắc đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

##### **2.4.1. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập**

Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các tỉnh vùng miền núi phía Bắc theo hướng giảm các điểm trường lẻ để đảm bảo cho học sinh được chăm sóc, giáo dục ở các điểm trường trung tâm. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và quy mô phát triển giáo dục của từng địa phương trong vùng, bảo đảm điều kiện tối thiểu để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhất là ở những địa bàn vùng khó khăn. Duy trì hệ thống giáo dục phổ thông công lập, chú trọng giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên biệt để bảo đảm điều kiện thuận lợi cho học sinh không có cơ hội học ở trường học chính quy được tiếp cận giáo dục. Khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thục nhằm tạo cơ hội và điều kiện cho học sinh trong vùng phát triển. Cùng cố hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú nhằm tạo điều kiện cho học sinh người dân tộc thiểu số vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn có điều kiện học tập và nâng cao chất lượng giáo dục.

##### **2.4.2. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh trong vùng miền núi phía Bắc cần tăng cường tham mưu, tư vấn cho tỉnh chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa phổ thông. Các địa phương cần bảo đảm mức chi tối thiểu 20% ngân sách địa phương cho giáo dục và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ [6]; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương, thực hiện lồng ghép có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án, dự án đã được phê duyệt để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông

2018, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện các mục tiêu giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục 2019 [7].

Xây dựng lộ trình kiên cố hóa trường, lớp học, giải quyết tình trạng phòng học nhờ, nhà vệ sinh và công trình nước sạch phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; phấn đấu đến năm 2025 đạt 80% và đến năm 2030 đạt 100% tỉ lệ kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Thực hiện chính sách sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện xây dựng chính sách đối với học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi, trong đó có vùng Trung du miền núi Bắc Bộ phù hợp với Luật Giáo dục 2019.

Sở Giáo dục và Đào tạo cần tích cực tham mưu với tỉnh để đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của từng cấp học, xây dựng phòng học bộ môn theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

##### **2.4.3. Tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin**

Tiếp tục đầu tư bổ sung phòng Tin học, phòng học có ứng dụng công nghệ thông tin ở các cơ sở giáo dục phổ thông. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ở tất cả các bậc học, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục. Ở các trường có nhiều điểm trường cần tăng cường kết nối Internet để giáo viên và học sinh có thể khai thác tài liệu, sách điện tử có trên mạng phục vụ giảng dạy và học tập.

##### **2.4.4. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm thiết bị dạy học, nhất là thiết bị dạy học số**

Năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức cuộc thi Xây dựng thiết bị dạy học số lần thứ nhất, thu hút được đông đảo giáo viên ở tất cả các cấp học tham gia. Kết quả cuộc thi đã có 9.461 sản phẩm được các sở giáo dục và đào tạo đánh giá đủ điều kiện để sử dụng trong hệ thống dạy và học, bổ sung nguồn tư liệu dạy học, thiết bị dạy học có chất lượng để sử dụng trong công tác dạy và học tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là những nơi chưa có điều kiện mua sắm đầy đủ trang thiết bị dạy học như miền núi phía Bắc [8]. Để phát huy thành quả đạt được của cuộc thi và góp phần khắc phục những khó khăn về thiết bị dạy học, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cần tiếp tục tổ chức cuộc thi xây dựng thiết bị dạy học từ cấp trường, trong đó chú trọng đến xây dựng kho học liệu số dùng trong trường, trong tỉnh. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức các cuộc thi quốc gia, tuyển chọn những học liệu đủ tiêu chuẩn đưa lên kho học liệu dùng chung toàn ngành.

##### **2.4.5. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động

nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tài trợ, đầu tư xây dựng trường, lớp học; Thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với các dự án thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhà công vụ cho giáo viên, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đổi mới cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập góp phần giải quyết các nhu cầu về đầu tư cơ sở vật chất các trường học.

### 3. Kết luận

Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ

thông 2018 đòi hỏi có đầu tư lớn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của Chương trình và trong điều kiện nguồn ngân sách Nhà nước còn eo hẹp, các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc cần có sự ưu tiên trong việc đầu tư kiên cố hóa phòng học và mua sắm trang thiết bị dạy học, đảm bảo thực hiện đúng quy định: “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... người nghèo được học văn hóa và học nghề” [9]. Các địa phương, cần chủ động thực hiện rà soát quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông bảo đảm phù hợp với thực tiễn, giải quyết bất cập về mạng lưới trường, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào trong dạy học và chuyển đổi số trong giáo dục, phát huy phong trào làm thiết bị dạy học trong đội ngũ giáo viên.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Báo cáo số liệu thông kê cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc*, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Báo cáo tổng kết năm học 2020 - 2021*, Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), *Thông tư số 13/2020/TT-GDDT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học*, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2017), *Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành trung ương khóa XII về*
- Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
- [6] Thủ tướng Chính phủ, (2022), *Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022*.
- [7] Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2019), *Luật Giáo dục 2019*, Hà Nội.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022), *Báo cáo kết quả tổ chức cuộc thi Xây dựng thiết bị dạy học số lần thứ I - năm 2022*, Hà Nội.
- [9] Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

## THE CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO FACILITIES AND TEACHING EQUIPMENT TO MEET THE REQUIREMENTS OF THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION

Mai Van Trinh<sup>1</sup>, Nguyen Minh Tuan<sup>\*2</sup>,  
Bui Van Trung<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Email: mvtrinh@moet.gov.vn

<sup>\*</sup> Corresponding author

<sup>2</sup> Email: tuannm@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Education Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

<sup>3</sup> Email: bvtrung@moet.gov.vn

Ministry of Education and Training  
35 Dai Co Viet street, Hai Ba Trung district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *The schools in Northern mountainous provinces have achieved significant results in implementing the 2018 General Education Curriculum. To achieve these results, they have focused on investing in facilities and teaching equipment. However, in addition to the achievements, they still face many difficulties in investing in facilities and teaching equipment to meet the requirements of the 2018 General Education Curriculum. The article explores the current situation of facilities and teaching equipment in 14 provinces in the mountainous region, thereby proposing some solutions to enhance teaching facilities and equipment to ensure the requirements of the 2018 General Education Curriculum.*

**KEYWORDS:** 2018 General Education Curriculum, Northern mountains, facilities, teaching equipment, solutions.